

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**COỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-ST

Ngày: 24-6-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Hoàng

Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông H; Sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp RC, xã RC, huyện P, tỉnh M.

Bị đơn: Ông Q; Sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp RC, xã RC, huyện P, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông H trình bày:

Vào ngày 01/12/2014, ông Q có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông Q không đóng lãi. Đến ngày 08/12/2018, ông Q có trả cho ông 10.000.000 đồng và cam kết trả cho ông mỗi tháng 500.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi viết biên nhận nợ đến nay ông Q không trả nợ gốc và không đóng lãi cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q trả cho ông số tiền nợ là 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định nhà nước từ ngày 01/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa ông thay đổi nội dung yêu cầu, ông yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông Q vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Việc ông H khởi kiện ông Q yêu cầu trả nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Q là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Ấp RC, xã RC, huyện P, tỉnh M, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông H với ông Q là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của ông H buộc ông Q trả cho ông số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện giao dịch vay mượn, giữa ông H và ông Q có làm biên nhận nợ ngày 08/12/2018, ông Q có ký tên vào biên nhận nợ, nội dung biên nhận có nợ của ông H số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông H, buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Q, Tòa án đã tổng đạt và triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và tham gia phiên tòa lần hai nhưng ông Q không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện ông H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên ông Q tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ đó.

- Về yêu cầu tính lãi suất:

Tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với biên nhận nợ ghi ngày 08/12/2018 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên nhận ngày 08/12/2018, có quy định thời hạn thanh toán là ngày 08/01/2019. Từ ngày 08/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ông H cho rằng ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Như vậy, ông Q đã vi phạm thời hạn thanh toán nợ từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/6/2022. Do đó, yêu cầu của ông H buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của Pháp luật tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

Theo biên nhận nợ thì giữa ông H và ông Q không có quy định về trả lãi suất. Tuy nhiên, ông Q hứa đến ngày 08/01/2019 trả nợ cho ông H, nhưng từ khi viết cam kết đến nay, ông Q không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Đó đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông Q phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Mức lãi suất cụ thể như sau: Lãi suất 50% của mức lãi suất 20%/năm $= (10\%/năm, 0,83\%/tháng, 0,028\%/ngày)$.

- Số tiền lãi của khoản nợ 30.000.000 đồng từ ngày 08/12/2018 đến 24/6/2022 là 03 năm 06 tháng 16 ngày.

$30.000.000đ \times 03 \text{ năm} \times 10\% + 30.000.000đ \times 06 \text{ tháng} \times 0,83\% + 30.000.000đ \times 16 \text{ ngày} \times 0,028\% = 10.631.507 \text{ đồng.}$

Như vậy, buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho ông H tổng số tiền là 40.631.507 đồng. Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi là 10.631.507 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của ông H nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.031.575 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền là 40.631.507 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi là 10.631.507 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H không phải chịu án phí, ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017637 ngày

25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông H được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.031.575 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình

Vũ Minh Hoàng – Trần Thị Hoài Yên**Nguyễn Văn Bình**

Trường hợp không thay đổi yêu cầu:

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay ông H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh ông Q vay tiền của ông H từ ngày 01/12/2014 mà chỉ cung cấp cho Tòa biên nhận nợ của ông Q đề ngày 08/12/2018. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định, ông Q vay tiền của ông H từ ngày 08/12/2018. Không chấp nhận yêu cầu của ông H buộc ông Q phải chịu lãi suất từ ngày 01/12/2014 mà chỉ chấp nhận buộc ông Q phải chịu lãi suất từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên nhận ngày 08/12/2018, có quy định thời hạn thanh toán là ngày 08/01/2019. Từ ngày 08/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ông H cho rằng ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Như vậy, ông Q đã vi phạm thời hạn thanh toán nợ từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/6/2022. Do đó, yêu cầu của ông H buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của Pháp luật tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.